



16. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC

a) Các chuyên ngành (Specialization):

16.1. Ngôn ngữ học lý thuyết (Theoretical Linguistics), bao gồm các lĩnh vực: Ngữ âm học / Âm vị học, Hình thái học, Cú pháp học, Từ vựng học, Ngữ nghĩa học, Ngữ dụng học, Loại hình ngôn ngữ học, Ngôn ngữ học so sánh lịch sử;

16.2. Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics), bao gồm các lĩnh vực: Ngôn ngữ học đối chiếu, Giáo dục ngôn ngữ, Phiên dịch học, Từ điển học, Kế hoạch hóa ngôn ngữ, Chính sách ngôn ngữ;

16.3. Ngôn ngữ học liên ngành (Interdisciplinary Linguistics), bao gồm các lĩnh vực: Ngôn ngữ học xã hội, Ngôn ngữ học văn hóa, Ngôn ngữ học nhân chủng, Ngôn ngữ học tâm lý, Ngôn ngữ học thần kinh, Ngôn ngữ học địa lý, Ngôn ngữ học máy tính.

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học quốc tế uy tín		Tạp chí	SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $\geq 2,0$)	0 – 3,0
				SCI, SCIE, SSCI, A&HCI (IF $< 2,0$)	0 – 2,0
				ESCI, SCOPUS	0 – 1,5
				- Top 500 trường ĐH trên thế giới theo THE; - Theo Quyết định số 251/QĐ-HĐQL- NAFOSTED ngày 11/12/2019; - Вопросы языкознания; - Bulletin de la Société de Linguistique de Paris; - 國際漢學/ Guójià Hànxué/ International Sinology; - 漢字研究/ Hànzì Yanjiu; - 成大中文學報/ Chéngdà Zhōngwén Xuébào; - Suvannabhumi – Multydisciplinary Journal of Southeast Asian Studies; - 中正漢學研究 / Zhongzhèng Hànxué Yanjiu.	0 – 1,5
2.	Các tạp chí quốc tế khác		Tạp chí	HĐGS ngành quyết định cụ thể từng trường hợp	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN	0 – 1,0

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phân biện khoa học, từ năm 2017 phải có chỉ số ISBN	0 – 0,50
5.	Báo chí và Tuyên truyền	1859-0411	Tạp chí	Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,25
6.	Châu Mỹ ngày nay	2354-0745 (0868-3654)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25
7.	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 – 0,25
8.	Dân tộc học	0866-7632	Tạp chí	Viện Dân tộc học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
9.	Hán Nôm	1022-8640 (8066-8639)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 1,0
10.	Hàn Quốc	2354-0621	Tạp chí	Hội Nghiên cứu Khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam	0 – 0,5 từ 2020
11.	Khảo cổ học	0866-742	Tạp chí	Viện Khảo cổ học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25
12.	Khoa học	1859-2333-V 2615-9422-E	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,5
13.	CTU Journal of Innovation and Sustainable Development	2588-1418	Tạp chí ACI	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,5 0 – 1,0 từ 2024
14.	Khoa học	0866-8051	Tạp chí	Trường Đại học Mở Hà Nội	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2017 0 – 0,75 từ 2024
15.	Khoa học	2354-1067 (0868-3719)	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2025
16.	Khoa học	1859-3100	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	0 – 0,5
17.	Khoa học	2354-1091	Tạp chí	Trường Đại học Tây Bắc	0 – 0,25 từ 2017
18.	Khoa học	1859-2228	Tạp chí	Trường Đại học Vinh	0 – 0,5
19.	Khoa học & Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2025
20.	Khoa học & Công nghệ Việt Nam	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2020
21.	Khoa học Đại học Đà Lạt	0866-787X	Tạp chí ACI	Trường Đại học Đà Lạt	0 – 0,25 từ 2020

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

22.	Khoa học Đại học Sài Gòn	1859-3208	Tạp chí	Trường Đại học Sài Gòn	0 – 0,25
23.	Khoa học ĐH Tân Trào	2354-1431	Tạp chí	Trường Đại học Tân Trào	0 – 0,25 từ 2020
24.	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một	1859-4433	Tạp chí	Trường Đại học Thủ Dầu Một	0 – 0,25 từ 2016
25.	Khoa học ĐH Huế: Khoa học Xã hội & Nhân văn	2588-1213 e-2615-9724	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,5
26.	Khoa học Ngoại ngữ	1859-2503	Tạp chí	Trường Đại học Hà Nội	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2023
27.	Khoa học Ngoại ngữ Quân sự	2525-2232	Tạp chí	Học viện Khoa học Quân sự	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2025
28.	Khoa học và Công nghệ	1859-2171 2734-9098 e-2615-9562	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5
29.	Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (bản in)	1859-0136	Tạp chí	Viện KHXH vùng Nam Bộ, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
	Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (bản điện tử)	E-3030-4067			0 – 0,25 từ 2025
30.	Khoa học Xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện KHXH vùng Trung Bộ, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
31.	Khoa học Xã hội Tây Nguyên	1859-4042	Tạp chí	Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
32.	Khoa học Xã hội và Nhân văn	2354-1172 3093-317X 3093-3889 3093-3900	Tạp chí	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0
33.	Khoa học Xã hội Việt Nam	1913-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 1,0
34.	Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục (Cũ: <i>Khoa học và Giáo dục</i>)	1859-4603	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2021
35.	Khoa học, Journal of Science: Khoa học xã hội và Nhân văn	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0
36.	Kinh doanh và Công nghệ	2615-9414	Tạp chí	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	0 – 0,25 từ 2020
37.	Nghiên cứu châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Âu, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HĐGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

38.	Nghiên cứu châu Phi & Trung Đông	1859-0519	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25
39.	Nghiên cứu Con người	0328-1557	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Con người, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25
40.	Nghiên cứu dân tộc	0866 -773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc	0 – 0,25 từ 2020
41.	Nghiên cứu Đông Bắc Á (Tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản)	2354-077X 0868-3646	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25
42.	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25
43.	Nghiên cứu Lịch sử	0866-7497	Tạp chí	Viện Sử học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25
44.	Nghiên cứu nước ngoài	2525-2445	Tạp chí	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0 từ 2017
45.	Nghiên cứu Tôn giáo	1859-0403	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25
46.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2021
47.	Nghiên cứu văn học (Tên cũ: Văn học)	1859-2856	Tạp chí	Viện Văn học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
48.	Ngôn ngữ	0866-7519	Tạp chí	Viện Ngôn ngữ học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 1,0
49.	Ngôn ngữ và Đời sống	0868-3409	Tạp chí	Hội Ngôn ngữ học Việt Nam	0 – 1,0
50.	Ngôn ngữ và Văn hóa	2525-2674	Tạp chí	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	0 – 0,5 từ 2020 0 – 0,75 từ 2025
51.	Nhân lực Khoa học Xã hội	0866-756x	Tạp chí	Học viện Khoa học Xã hội, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
52.	Phát triển Khoa học và Công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 1,0
53.	Tâm lý học	1859-0098	Tạp chí	Viện Tâm lý học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
54.	Thông tin Khoa học Xã hội	0866-8647	Tạp chí	Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
55.	Triết học	0866-7632	Tạp chí	Viện Triết học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,25
56.	Từ điển học và Bách khoa thư	1859-3135	Tạp chí	Viện Từ điển học và Bách khoa thư, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 1,0

(Kèm theo Quyết định số: 26/QĐ-HDGSNN ngày 11 tháng 7 năm 2025)

57.	Nghiên cứu Văn hóa Việt Nam (Cũ: Văn hóa Dân gian)	3030-4121 (0866-7284)	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
58.	Văn hóa Nghệ thuật	0866-8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,25
59.	Vietnam Social Sciences	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam	0 – 1,0
60.	Xã hội học Việt Nam (Tên cũ: Xã hội học)	2615-9163 (0866-7659)	Tạp chí	Viện Xã hội học, Viện HL KHXH Việt Nam	0 – 0,5
61.	Khoa học	1859-0357	Tạp chí	Trường Đại học Quy Nhơn	0 – 0,25 từ 2023 0 – 0,5 từ 2025
62.	Khoa học	2734-9349 2734-9616	Tạp chí	Trường Đại học Mở TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2024
63.	Khoa học	2354-113X	Tạp chí	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2024
64.	Phát triển Khoa học và Công nghệ: Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn	2588-1043	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2024
65.	HCMOU Journal of Science-Social Sciences	p-2734-9357 e-2734-9624 (1859-3453)	Tạp chí	Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh	0 – 0,25 từ 2025
66.	Khoa học Đại học Hạ Long	2815-5521	Tạp chí	Trường Đại học Hạ Long	0 – 0,25 từ 2025
67.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Bản D)- VMOST Journal of Social Science and Humanities	2734-9748 e-2815-6471	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2025
68.	Khoa học và Kinh tế phát triển	2588-1272	Tạp chí	Trường Đại học Nam Cần Thơ	0 – 0,25 từ 2025
69.	Khoa học và Công nghệ: Chuyên san Ngôn ngữ và Văn hoá	1859-3585 E-2615-9619	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	0 – 0,25 từ 2025
70.	Lý luận và Phê bình Văn học Nghệ thuật	0866-7349	Tạp chí	Hội đồng Lý luận Trung ương	0 – 0,25 từ 2025

c) Nhà xuất bản có uy tín:

- Nhà xuất bản quốc tế có uy tín: theo Quyết định số 251 /QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia;

- Nhà xuất bản quốc gia có uy tín: Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Quốc gia TP. HCM; Khoa học Xã hội; Giáo dục Việt Nam; Đại học Sư phạm; Đại học Đà Nẵng; Đại học Huế.